



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,

Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498

Website: www.vietfood.org.vn

Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2026

BẢN TIN SỐ 1566

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 21/07/2026 đến ngày 27/07/2026)

AI THI TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI:

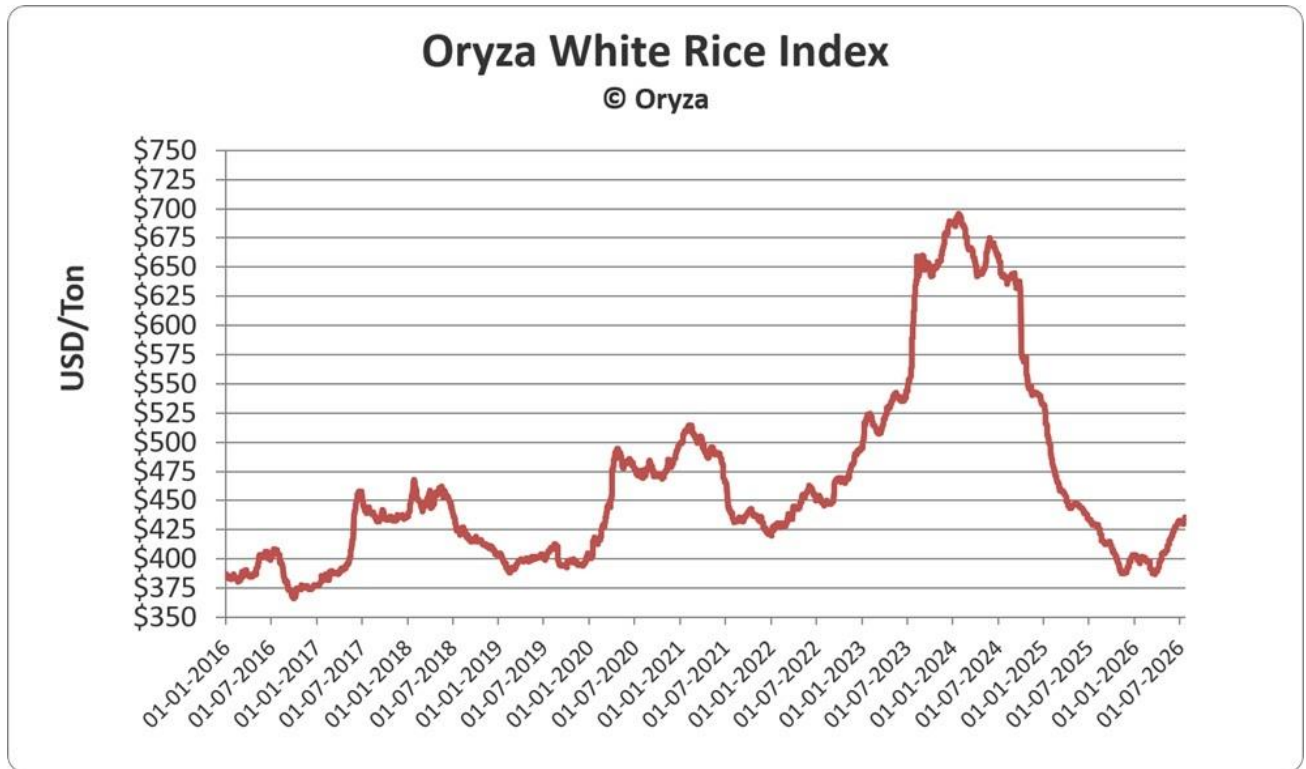
I. GIÁ GẠO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

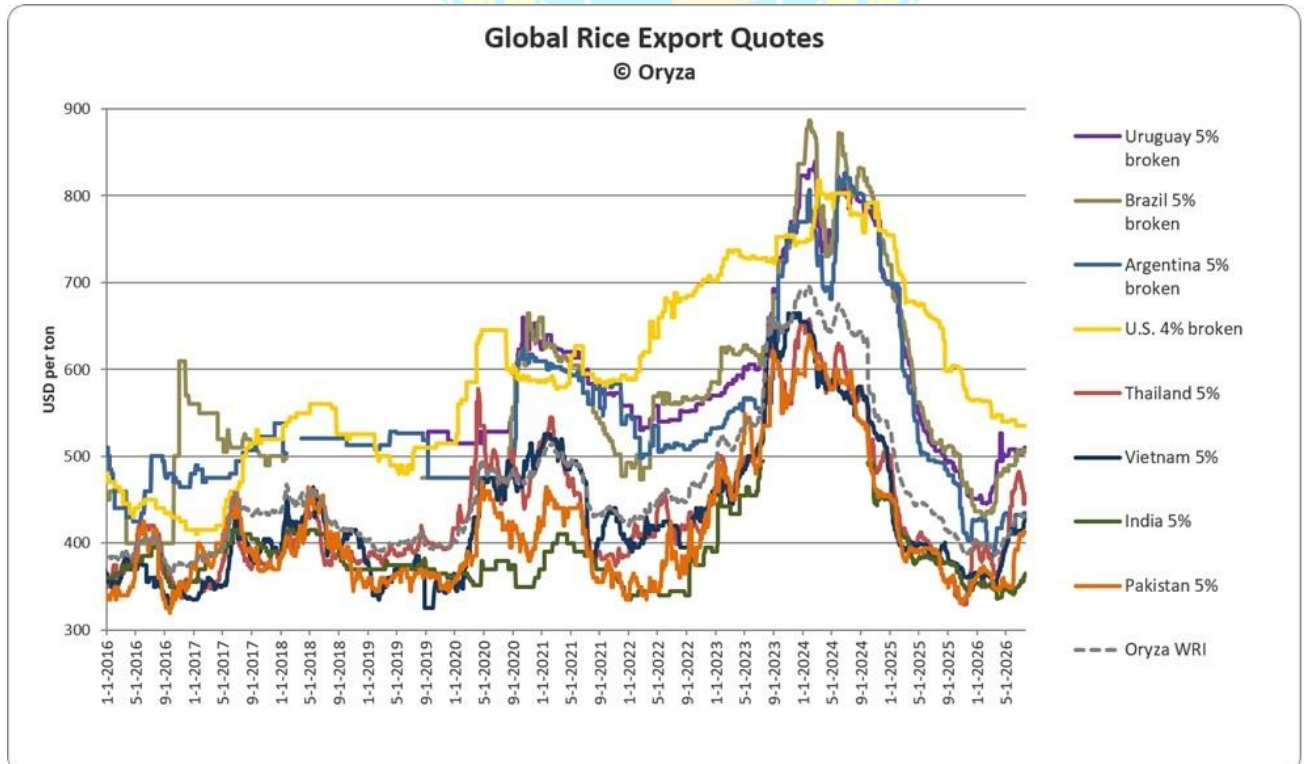
QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	21 – 07		22 – 07		23 – 07		24 – 07	
		max	min	max	min	max	min	max	min
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	455	459	457	461	457	461	462	466
	5% tấm	445	449	447	451	447	451	455	459
	25% tấm	422	426	421	425	421	425	424	428
	Hom Mali 92%	1154	1158	1153	1157	1153	1157	1145	1149
	Gạo đỏ 100% Stxd	457	461	458	462	458	462	463	467
	A1 Super	390	394	387	391	387	391	382	386
VIỆT NAM	5% tấm	424	428	426	430	426	430	429	433
	25% tấm	390	394	390	394	390	394	393	397
	Gạo thơm 5% tấm	500	510	500	510	500	510	500	510
	Jasmine	546	550	546	550	546	550	546	550
	100% tấm	353	357	354	358	354	358	359	363
ẤN ĐỘ	5% tấm	361	365	362	366	362	366	363	367
	25% tấm	348	352	348	352	348	352	351	355
	Gạo đỏ 5% Stxd	360	364	362	366	362	366	365	369
	100% tấm Stxd	290	294	290	294	290	294	290	294
PAKISTAN	5% tấm	410	414	410	414	410	414	410	414
	25% tấm	388	392	387	391	387	391	388	392
	100% tấm Stxd	315	319	315	319	315	319	314	318
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	464	468	464	468	464	468	464	468
MỸ	4% tấm	533	537	533	537	533	537	533	537
	15% tấm (Sacked)	533	537	533	537	533	537	533	537
	Gạo đỏ 4% tấm	670	674	670	674	670	674	670	674
	Calrose 4%	885	889	885	889	885	889	895	899

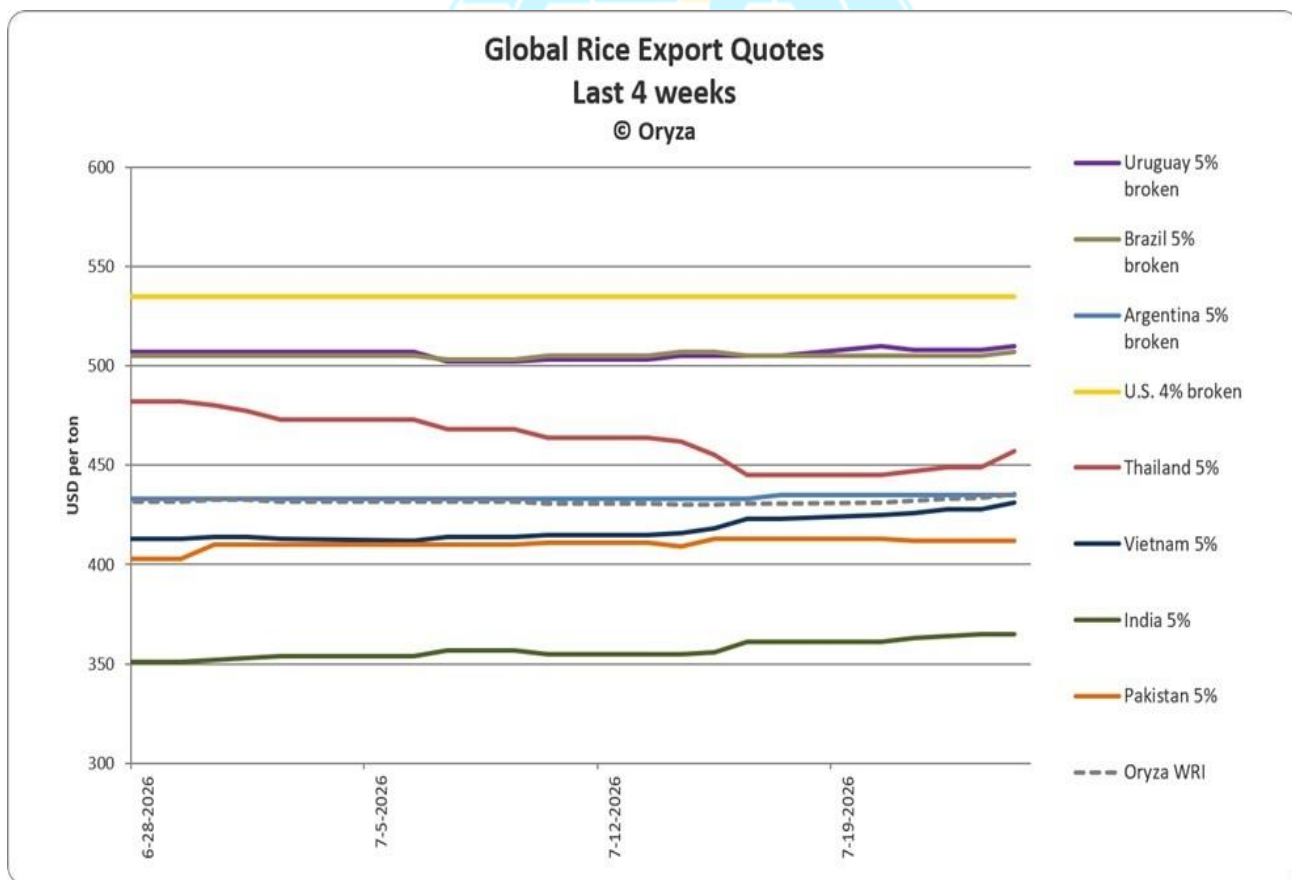
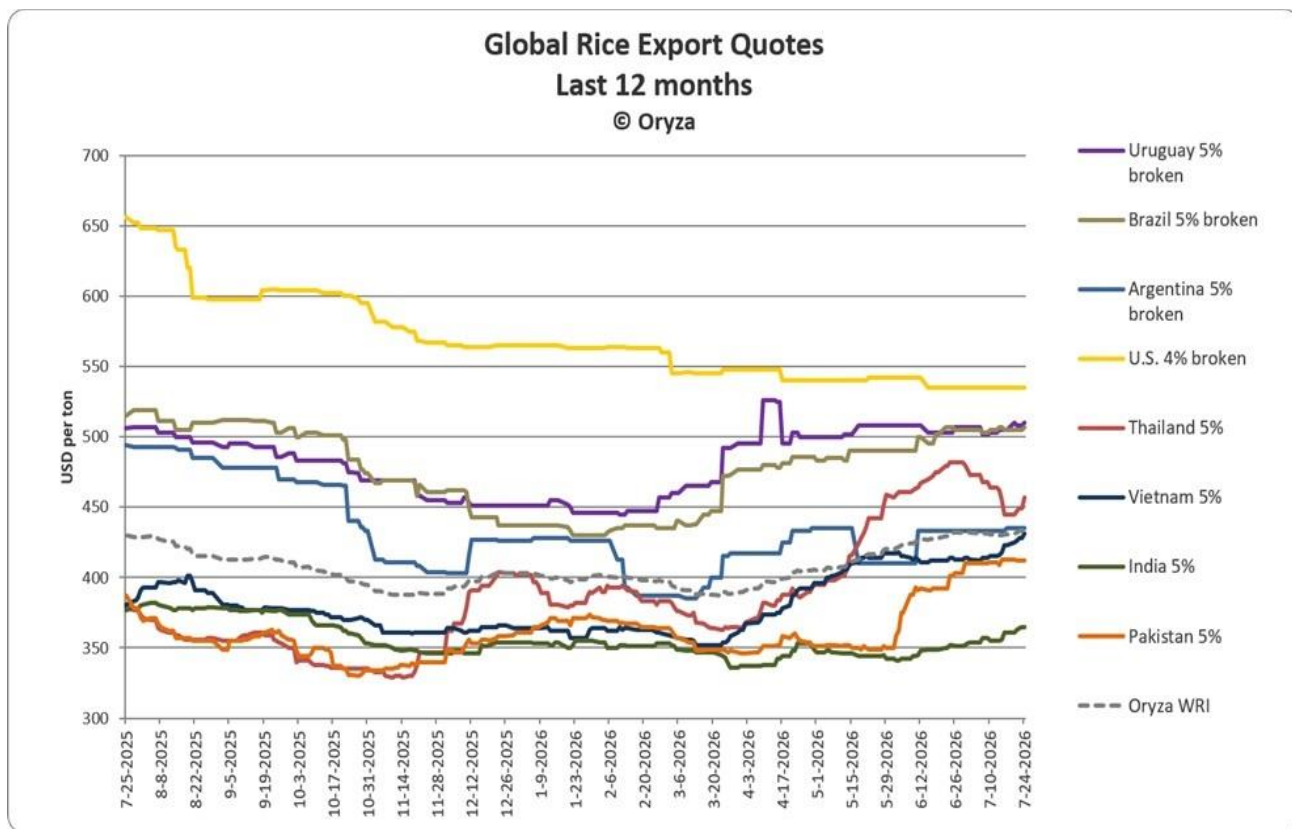
II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

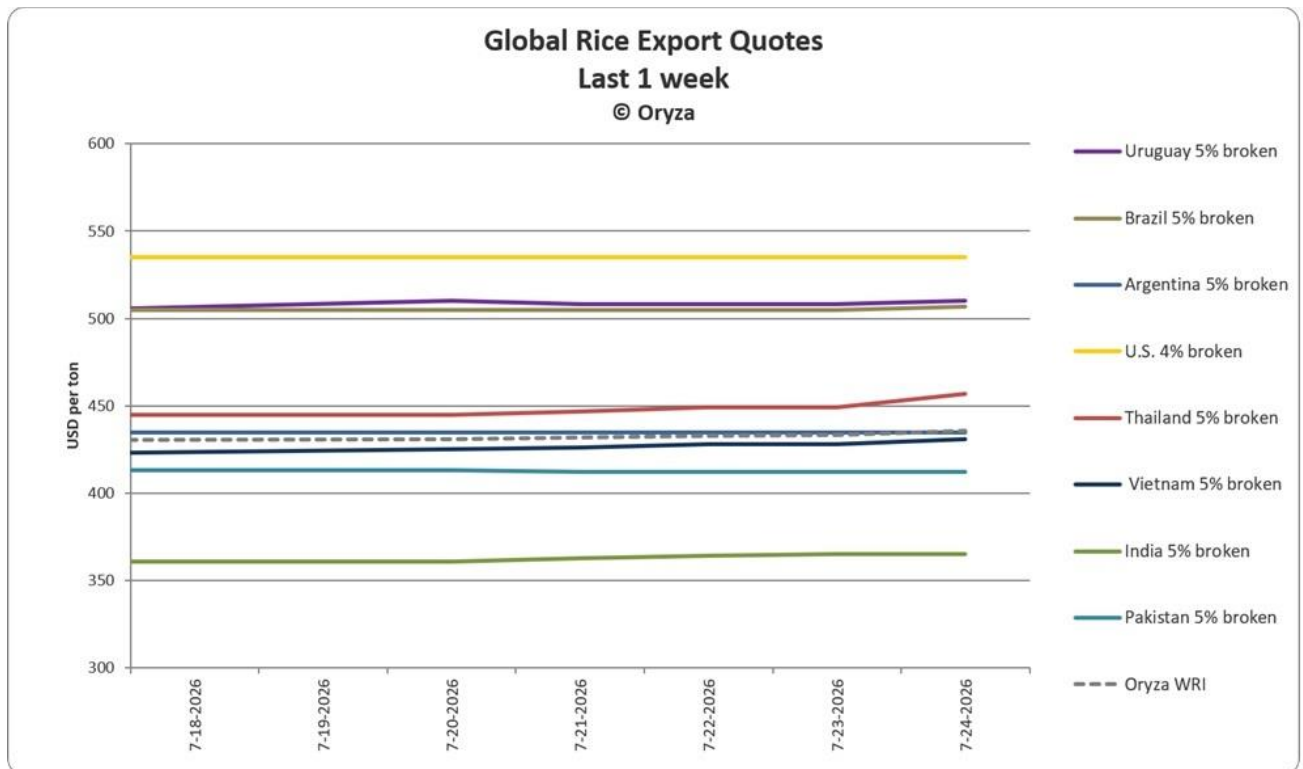
*Tổng quan thị trường:



Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 436 USD/tấn, tăng 5 USD/tấn so với tuần trước và tăng 4 USD/tấn so với tháng trước, và tăng 6 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.







Giá gạo các hợp đồng có kỳ hạn đã tăng lên mức cao nhất trong 17 tháng, đạt 14,12 USD/100 pound, tăng 12,79% trong bốn tuần qua và tăng 13,66% so với cùng kỳ năm trước, khi thị trường phản ánh những lo ngại về những rủi ro tiềm ẩn về nguồn cung.

Đà tăng này chủ yếu được thúc đẩy bởi kỳ vọng hiện tượng El Niño sẽ diễn biến mạnh, có thể làm giảm sản lượng lúa gạo tại các khu vực sản xuất trọng điểm. Bên cạnh đó, căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông cũng làm gia tăng rủi ro gián đoạn hoạt động vận chuyển hàng hóa qua eo biển Hormuz.

Tuy nhiên, bất chấp những lo ngại trên, nguồn cung gạo toàn cầu vẫn được đánh giá là khá dồi dào nhờ lượng tồn kho kỷ lục tại Ấn Độ, dự trữ lớn của Indonesia và mức tồn kho cao nhất trong một thập kỷ của Thái Lan. Những yếu tố này có thể góp phần hạn chế tác động của bất kỳ sự sụt giảm sản lượng nào trong thời gian tới.

Indonesia

Indonesia vẫn tin tưởng rằng hiện tượng thời tiết El Niño được dự báo sẽ không đe dọa đến an ninh lương thực của quốc gia, nhờ nguồn dự trữ lương thực của Chính phủ ở mức vững chắc và các biện pháp chuẩn bị được triển khai từ sớm.

Thực hiện chỉ đạo của Tổng thống, các cơ quan chức năng đã bắt đầu các biện pháp ứng phó từ nhiều tháng trước, cho rằng đợt El Niño trước đây có mức độ nghiêm trọng hơn.

Tính đến ngày 20/7, Indonesia đang duy trì 5,24 triệu tấn gạo dự trữ của Chính phủ, cùng với lượng dự trữ đáng kể đối với ngô, đường, dầu ăn và thịt gà; đồng thời chính quyền các tỉnh và địa phương cũng duy trì nguồn dự trữ lương thực phục vụ tình huống khẩn cấp.

Để bảo vệ sản xuất nông nghiệp, Chính phủ đã mở rộng hệ thống tưới tiêu, tăng cường bơm nước và đầu tư hạ tầng đường ống dẫn nước, nhằm giảm thiểu tác động của điều kiện thời tiết khô hạn và bảo đảm nguồn cung lương thực ổn định trong suốt thời gian diễn ra hiện tượng El Niño.

Philippines

Chính phủ Philippines đã phân phát gạo miễn phí cho 7 triệu hộ gia đình trên cả nước thông qua Chương trình Mọi địa phương đều được hưởng lợi của Tổng thống. Đây là sáng kiến bảo đảm an ninh lương thực được tài trợ từ Quỹ Hỗ trợ Chính quyền địa phương.

Theo chương trình, mỗi hộ gia đình đủ điều kiện sẽ được nhận 10 kg gạo trong mỗi đợt phân phát, 6 đợt mỗi năm, tương đương 60 kg gạo/năm.

Trong đợt triển khai gần đây nhất, khoảng 55.000 hộ gia đình tại tỉnh Oriental Mindoro đã được hỗ trợ.

Chương trình là một phần trong chiến lược rộng lớn hơn của Chính phủ nhằm tăng cường an ninh lương thực và giảm chi phí sinh hoạt, đồng thời được triển khai song song với chương trình bán gạo 20 peso/kg, hướng đến mục tiêu giúp mặt hàng lương thực thiết yếu này trở nên phù hợp hơn với khả năng chi trả của các hộ gia đình có thu nhập thấp và các nhóm hoàn cảnh khó khăn.

Kể từ khi được triển khai vào tháng 5/2025, chương trình bán gạo 20 peso/kg của Chính phủ Philippines đã đạt doanh thu 2,4 tỷ peso (khoảng 39 triệu USD), đồng thời đóng góp quan trọng vào việc nâng tổng doanh thu của hệ thống chương trình trọng điểm của Chính phủ Philippines (KNP) lên 4,42 tỷ peso kể từ tháng 7/2022.

Chương trình đã phân phối hơn 121.000 tấn gạo đến khoảng 12,1 triệu người thụ hưởng thông qua 805 điểm bán, chủ yếu phục vụ các nhóm hoàn cảnh khó khăn như hộ gia đình thu nhập thấp, người cao tuổi, nông dân và người lao động trong lĩnh vực vận tải.

Nguồn gạo được cung ứng từ Cơ quan Lương thực Quốc gia (NFA), đơn vị thu mua gạo từ nông dân trong nước; trong khi Chính phủ trợ giá phần chênh lệch giữa giá thu mua 33 peso/kg và giá bán 20 peso/kg.

Chương trình nhằm nâng cao khả năng tiếp cận gạo với giá hợp lý cho người tiêu dùng, đồng thời hỗ trợ tiêu thụ gạo được sản xuất trong nước.

Bangladesh

Giá gạo tại Bangladesh đã tăng trong tuần qua, đặc biệt đối với các loại gạo chất lượng cao, do giá lúa tăng, thiệt hại do lũ lụt đối với vụ lúa Aus và các ruộng ươm lúa Aman, cùng với những bất ổn liên quan đến hoạt động nhập khẩu gạo từ Ấn Độ.

Tại Dhaka và Chattogram, giá gạo chất lượng cao đã tăng từ 2–5 taka/kg, trong khi một số loại gạo cao cấp tại Chattogram đã tăng khoảng 10 taka/kg trong tháng qua.

Lũ lụt do mưa gió mùa đã ảnh hưởng đến khoảng 500.000 nông dân, làm gia tăng lo ngại về việc sản lượng trong nước suy giảm và nguồn cung bị thắt chặt. Tuy nhiên, các cơ quan chức năng cho biết nguồn cung hiện vẫn đáp ứng đủ nhu cầu và giá gạo thường nhìn chung vẫn ổn định.

Trong khi đó, các thương nhân dự báo giá gạo sẽ tiếp tục tăng nếu thiệt hại do lũ lụt nghiêm trọng hơn hoặc những bất ổn về nhập khẩu vẫn tiếp diễn.

Giá gạo tại Bangladesh tiếp tục tăng trong tuần qua, chủ yếu do giá các loại gạo chất lượng cao tăng khi chi phí lúa nguyên liệu gia tăng, thiệt hại mùa màng do lũ lụt và những bất ổn liên quan đến khả năng Ấn Độ áp dụng các biện pháp hạn chế xuất khẩu gạo đã tạo áp lực lên thị trường.

Mặc dù Ấn Độ chưa công bố bất kỳ biện pháp hạn chế xuất khẩu mới nào, nhưng những đồn đoán trên thị trường đã làm nổi bật sự phụ thuộc của Bangladesh vào nguồn cung gạo từ Ấn Độ.

Các chuyên gia kinh tế cũng cảnh báo rằng thiệt hại đối với vụ lúa Aus và các ruộng ươm Aman, cùng với giai đoạn giáp hạt theo mùa và khả năng xảy ra hoạt động đầu cơ, có thể khiến giá gạo tiếp tục tăng.

Lượng mưa lớn đã ảnh hưởng đến hơn 500.000 nông dân và làm hư hại hơn 87.000 ha đất nông nghiệp tại 43 quận, làm gia tăng lo ngại về sản lượng lúa trong thời gian tới cũng như sự ổn định của giá lương thực.

Hàn Quốc

Hàn Quốc và Philippines đã tái khẳng định cam kết tăng cường hợp tác nhằm phát triển ngành lúa gạo của Philippines thông qua việc tiếp tục cung cấp Hỗ trợ Phát triển Chính thức (ODA), tập trung vào nâng cao năng suất, tăng cường an ninh lương thực và hiện đại hóa chuỗi cung ứng lúa gạo.

Các sáng kiến hợp tác đang được triển khai bao gồm phát triển nông nghiệp số, lập kế hoạch sản xuất dựa trên dữ liệu, giám sát chuỗi cung ứng, cải thiện công tác quản lý sau thu hoạch và tăng cường năng lực thể chế hỗ trợ nông dân.

Quan hệ hợp tác được nối lại cũng phù hợp với định hướng rộng hơn của Hàn Quốc trong việc thúc đẩy hợp tác khu vực về an ninh lương thực và xây

dựng chuỗi cung ứng nông nghiệp có khả năng chống chịu tốt hơn trước các gián đoạn toàn cầu và những bất ổn địa chính trị.

Nhật Bản

Nhật Bản đang xem xét mở rộng hợp tác với Philippines nhằm hiện đại hóa ngành lúa gạo tại tỉnh Isabela thông qua dự án do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) hỗ trợ, với tổng kinh phí 1,7 tỷ yên (khoảng 652 triệu peso, tương đương 10,54 triệu USD).

Dự án sẽ xây dựng một cơ sở chế biến gạo hiện đại tại thành phố Cauayan, được trang bị hệ thống sấy lúa cơ giới, nhà máy xay xát nhiều công đoạn, hệ thống silo chứa lúa và các hạ tầng liên quan nhằm nâng cao hiệu quả xử lý sau thu hoạch, bảo quản và quản lý dự trữ.

Thông qua việc giảm tổn thất sau thu hoạch (hiện ở mức khoảng 16% sản lượng), nâng cao hiệu quả xay xát và chất lượng gạo, dự án hướng tới tăng cường năng lực thu mua và dự trữ gạo của Cơ quan Lương thực Quốc gia Philippines (NFA), củng cố an ninh lương thực trong nước và nâng cao thu nhập cho ít nhất 5.000 hộ nông dân trồng lúa thông qua cải thiện năng suất và khả năng tiếp cận thị trường.

Lượng gạo tồn kho của khu vực tư nhân tại Nhật Bản đã tăng lên mức kỷ lục 2,43 triệu tấn vào cuối tháng 6, cao hơn đáng kể so với mức mục tiêu 1,8–2,0 triệu tấn của Chính phủ, làm gia tăng lo ngại về tình trạng dư cung và khả năng giá gạo tiếp tục giảm.

Chính phủ Nhật Bản đã hoãn kế hoạch thu mua sớm lượng gạo dự trữ đã bán ra trước đó để ưu tiên đánh giá diễn biến thị trường.

Bộ Nông nghiệp Nhật Bản dự báo sản lượng gạo năm 2026 đạt 7,32 triệu tấn, cao hơn nhu cầu tiêu thụ ước tính khoảng 7,11 triệu tấn, đồng thời dự báo lượng tồn kho tư nhân sẽ tiếp tục tăng lên 2,81 triệu tấn vào tháng 6/2027.

Trong khi đó, giá bán lẻ bình quân của bao gạo 5 kg đã giảm xuống còn 3.373 yên (khoảng 22,9 USD), mức thấp nhất trong khoảng 21 tháng qua.

Trung Quốc

Các nhà nghiên cứu Trung Quốc đã phát triển thành công một loại lúa lai mới có khả năng tự tái tạo thông qua chính hạt giống của mình mà vẫn duy trì được đặc tính năng suất cao.

Sử dụng công nghệ apomixis tổng hợp, bước đột phá này có thể giúp loại bỏ nhu cầu nông dân phải mua hạt giống lúa lai mới cho mỗi vụ sản xuất, qua đó giảm đáng kể chi phí giống.

Nếu được thương mại hóa thành công, công nghệ này có thể thúc đẩy việc mở rộng sử dụng giống lúa lai và góp phần tăng cường an ninh lương thực toàn cầu, đặc biệt tại các quốc gia đang phát triển.

Mỹ Latinh

Uruguay, giá gạo 5% tấm hiện được chào bán ở mức khoảng 510 USD/tấn, tăng khoảng 5 USD/tấn so với tuần trước, tăng khoảng 7 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 4 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Argentina, giá gạo 5% tấm của hiện ở mức khoảng 435 USD/tấn, tăng khoảng 2 USD/tấn so với tuần trước. không đổi so với tháng trước và giảm khoảng 59 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Brazil, giá gạo 5% tấm của hiện ở mức khoảng 505 USD/tấn tăng khoảng 2 USD/tấn so với tuần trước, không đổi so với tháng trước, giảm khoảng 8 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Colombia, Sản lượng lúa năm 2026 được dự báo đạt 2,5 triệu tấn, giảm khoảng 14,3% so với vụ thu hoạch năm 2025, do diện tích gieo trồng giảm vì giá lúa thấp cùng chi phí nhiên liệu và phân bón tăng cao, lớn hơn tác động tích cực từ điều kiện mưa thuận lợi.

Báo cáo không đưa ra dự báo riêng về nhập khẩu gạo, nhưng ước tính tổng nhu cầu nhập khẩu ngũ cốc của Colombia trong năm 2026 đạt 10,7 triệu tấn, cao hơn khoảng 17% so với mức bình quân 5 năm, chủ yếu do nhập khẩu ngô tăng. Giá gạo trong nước này duy trì ổn định trong tháng 6/2026 và thấp hơn ở mức vừa phải so với cùng kỳ năm trước nhờ nguồn cung dồi dào từ vụ thu hoạch năm 2025.

Trong khi đó, tình trạng mất an ninh lương thực tiếp tục gia tăng, với khoảng 6,6 triệu người cần được hỗ trợ lương thực và dinh dưỡng trong năm 2026. Tuy nhiên, nguồn kinh phí hiện chỉ đủ hỗ trợ khoảng 670.100 người, do xung đột vũ trang, thiên tai liên quan đến khí hậu, tình trạng di dời dân cư và sức mua suy giảm tiếp tục ảnh hưởng đến sinh kế của người dân.

Hoa Kỳ

Giá gạo 4% tấm của Hoa Kỳ hiện được chào bán ở mức khoảng 535 USD/tấn, không đổi so với tuần trước và tháng trước, giảm khoảng 121 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), doanh số bán gạo xuất khẩu ròng của Hoa Kỳ trong niên vụ 2025/26 đạt 7.300 tấn trong tuần kết thúc ngày 16/7, với các đơn hàng mới chủ yếu từ Guatemala (10.300 tấn), bao gồm 11.000 tấn chuyển từ các điểm đến chưa xác định, tiếp theo là Haiti (7.500 tấn), Jordan (2.000 tấn), Canada (1.400 tấn) và Mexico (1.200 tấn), sau khi trừ các khoản điều chỉnh giảm.

Trong cùng tuần, các doanh nghiệp Hoa Kỳ đã xuất khẩu 39.100 tấn gạo, trong đó Mexico là thị trường lớn nhất (30.600 tấn), tiếp theo là Nhật Bản

(26.000 tấn), Guatemala (10.300 tấn), Canada (3.000 tấn) và Saudi Arabia (2.400 tấn).

Nông dân bang Arkansas đã gieo trồng dưới 1 triệu mẫu Anh lúa trong năm 2026, lần đầu tiên kể từ năm 1989, do giá nông sản thấp, chi phí sản xuất tăng và những bất ổn địa chính trị đã lấn át tác động tích cực từ việc nâng giá tham chiếu đối với lúa gạo của Hoa Kỳ từ 6,30 USD lên 7,60 USD/gia.

Mặc dù chính sách mới giúp tăng cường hỗ trợ tài chính, nhưng vẫn chưa đủ để bù đắp lợi nhuận thấp, và sự sụt giảm diện tích gieo trồng lúa được dự báo sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến thu nhập của nông dân cũng như các nền kinh tế nông thôn phụ thuộc vào ngành lúa gạo.

Liên minh châu Âu

Tính đến ngày 19/7/2026, hoạt động thương mại gạo của Liên minh châu Âu (EU) giảm so với niên vụ trước.

Trong niên vụ 2025/26 (từ ngày 01/9/2025 đến 31/8/2026), lượng gạo nhập khẩu của EU giảm khoảng 4% so với cùng kỳ, còn 1,384 triệu tấn (quy gạo xay xát), trong đó gạo xay xát và gạo bán xay xát chiếm tỷ trọng lớn nhất.

Gạo Indica chiếm 1,173 triệu tấn, trong khi gạo Japonica đạt 211.014 tấn.

Campuchia tiếp tục là nhà cung cấp gạo xay xát và bán xay xát lớn nhất cho EU, tiếp theo là Miến Điện, Ấn Độ, Thái Lan và Pakistan.

Trong khi đó, xuất khẩu gạo của EU giảm 3,6%, xuống còn 245.278 tấn, chủ yếu là gạo xay xát và bán xay xát.

Gạo Japonica chiếm phần lớn lượng xuất khẩu, với Vương quốc Anh là thị trường xuất khẩu lớn nhất, tiếp theo là Thụy Sĩ, Belarus, Na Uy và Serbia.

Châu Phi

Dubawa, một tổ chức kiểm chứng thông tin độc lập tại Tây Phi, cho biết không có bằng chứng để xác thực tuyên bố của Bộ trưởng Nông nghiệp Nigeria rằng lượng gạo nhập khẩu của nước này đã giảm 35%, đồng thời đánh giá tuyên bố này là không đúng sự thật. Mặc dù Nigeria đã triển khai nhiều chính sách nhằm thúc đẩy sản xuất lúa gạo trong nước và giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu, nhưng các số liệu chính thức về thương mại và nhập khẩu không cho thấy mức giảm như tuyên bố.

Dubawa thừa nhận rằng lượng gạo nhập khẩu của Nigeria có biến động theo thời gian do các yếu tố như tỷ giá hối đoái, kiểm soát biên giới và các biện pháp hạn chế nhập khẩu. Tuy nhiên, tổ chức này kết luận rằng mức giảm 35% không được chứng minh bằng các dữ liệu có thể kiểm chứng, đồng thời nhấn mạnh rằng các tuyên bố công khai cần phải được hỗ trợ bằng những bằng chứng minh bạch và đáng tin cậy.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Giá gạo tấm 5% tấm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 365 USD/tấn, tăng 4 USD/tấn so với tuần trước, tăng 13 USD/tấn so với tháng trước tuy nhiên giảm 12 USD/tấn so với cùng kỳ.

Thị trường thương mại gạo tuần qua tiếp tục trầm lắng. Hoạt động xuất khẩu gạo chịu áp lực từ rủi ro địa chính trị và biến động cước vận tải. Giá gạo xuất khẩu đang tiếp tục xu hướng tăng khi nguồn cung gạo nguyên liệu hạn chế, gió mùa diễn biến thất thường do tác động của El Niño và nhiệt độ toàn cầu gia tăng. Một số nhà xuất khẩu cho biết họ đã tăng giá chào xuất khẩu gạo trắng 5% tấm và gạo đỏ 5% tấm thêm khoảng 5 USD/tấn trong bối cảnh giá nội địa tăng.

Thái Lan

Giá gạo tấm 5% tấm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 457 USD/tấn, tăng 12 USD/tấn so với tuần trước, giảm 25 USD/tấn so với tháng trước và tăng 78 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường thương mại gạo kết thúc tuần tiếp tục chậm do nhu cầu mua yếu. Giá gạo nội địa duy trì ổn định. Tỷ giá đồng bath Thái mạnh hơn so với đồng USD.

Xuất khẩu gạo sang Trung Đông giảm mạnh sau khi xung đột giữa Mỹ và Iran vào cuối tháng 02/2026. Trong đó, lượng gạo xuất khẩu sang Iraq – thị trường nhập khẩu lớn nhất ghi nhận mức sụt giảm do gián đoạn thương mại và hoạt động giao dịch ảm đạm. Dù vậy, Iraq vẫn tiếp tục phụ thuộc vào gạo nhập khẩu do nguồn cung nội địa chưa đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ.

Pakistan

Giá gạo tấm 5% tấm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 412 USD/tấn, giảm 1 USD/tấn so với tuần trước, tăng 11 USD/tấn so với tháng trước và tăng 25 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động thương mại tuần qua tiếp tục ảm đạm do thiếu vắng nhu cầu quốc tế. Giá chào gạo trắng các loại đã điều chỉnh giảm nhẹ mức. Vụ thu hoạch mới đã bắt đầu được đưa ra thị trường, tuy nhiên giá vẫn biến động do ảnh hưởng của xung đột và tình trạng gián đoạn vận tải biển trong khu vực.

Thị trường gạo basmati tiếp tục diễn biến chậm do nhu cầu quốc tế yếu và giá gạo cao hơn so với gạo basmati Ấn Độ, làm giảm sức cạnh tranh. Nhiều doanh nghiệp đang ưu tiên bán tại thị trường nội địa. Tuy nhiên, các doanh nghiệp kỳ vọng thị trường sẽ khởi sắc hơn khi bắt đầu vụ thu hoạch mới dự kiến bắt đầu từ tháng 11.

Miến Điện

Giá gạo trắng 5% tằm kết thúc tuần có xu hướng tăng do nguồn cung còn hạn chế và giá nội địa tăng. Vụ thu hoạch hiện tại gần kết thúc và vụ mới dự kiến bắt đầu vào giữa tháng 9/2026. Thị trường tuần qua ghi nhận nhu cầu nhập khẩu từ Philippines, còn các thị trường như châu Âu và Trung Quốc giao dịch trầm lắng do tồn kho còn dồi dào. Một số doanh nghiệp cũng cho biết hiện tình trạng thiếu container tại cảng Yangon vẫn tiếp diễn, ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng.

Thị trường gạo tằm khá trầm lắng do nhu cầu xuất khẩu yếu, tuy nhiên giá vẫn duy trì ổn định nhờ nhu cầu nội địa từ ngành thức ăn chăn nuôi và sản xuất đồ uống có cồn.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	21 - 07	22 - 07	23 - 07	24 - 07	27 - 07
Trung Quốc (CNY/USD)	6,77	6,77	6,77	6,78	6,77
Châu Âu (EUR/USD)	0,88	0,88	0,88	0,88	0,88
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	17.930,62	17.915,99	17.904,28	18.019,78	17.934,72
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4,09	4,09	4,09	4,09	4,09
Philippines Peso (PHP/USD)	61,68	61,75	61,77	61,80	61,75
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.478,52	1.480,34	1.476,69	1.475,17	1.459,35
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	162,57	163,02	163,08	163,81	163,85
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	96,46	96,29	96,50	96,83	96,48
Miến Điện (MMK/USD)	2.099,58	2.099,35	2.099,23	2.100,22	2.099,54
Pakistan Rupees (PKR/USD)	277,85	277,85	277,82	277,85	277,74
Thái Lan Baht (THB/USD)	33,65	33,70	33,76	33,84	33,72
Việt Nam Đồng (VND/USD)	26.295,57	26.308,30	26.296,42	26.316,59	26.315,85

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:**I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:****** Tiến độ sản xuất:***

Tính đến ngày 27/07/2026, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

Vụ Hè Thu 2026 xuống giống với diện tích 1,243 triệu ha, đã thu hoạch được khoảng 376 ngàn tấn với năng suất khoảng 61,68 tạ/ha, sản lượng ước đạt 2,32 triệu tấn lúa.

Vụ Thu Đông 2026 đã xuống giống 210 ngàn ha/640 ngàn ha diện tích kế hoạch, đạt gần 33%.

II. BẢNG TÀU ĐANG XẾP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/07 – 28/07/2026 có 17 tàu vào cảng Hồ Chí Minh xếp hàng với số lượng dự kiến 98.650 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Hoàng Anh 06	HCM	26/06/2026	13.500	Philippines
2	Quang Minh 9	HCM	05/07/2026	4.800	Philippines
3	Vinacomin Hà Nội	HCM	06/07/2026	7.400	Philippines
4	Star 55	HCM	07/07/2026	7.300	Philippines
5	TTC An Bình	HCM	07/07/2026	4.000	Malaysia
6	Nashico Eagle	HCM	08/07/2026	6.350	Philippines
7	Hoàng Triều 69	HCM	10/07/2026	5.200	Philippines
8	TTP Sun	HCM	10/07/2026	6.200	Philippines
9	Star 58	HCM	12/07/2026	3.500	Malaysia
10	MD Sky	HCM	13/07/2026	12.500	Philippines
11	Tuấn Dũng 36	HCM	17/07/2026	6.100	Philippines
12	Vinh Quang Dynamic	HCM	17/07/2026	4.800	Philippines
13	An Thịnh Phú 08	HCM	20/07/2026	6.300	Malaysia
14	Tân AN Endeavor	HCM	20/07/2026	4.850	Philippines
15	TTC Hải Phòng	HCM	20/07/2026	6.000	Philippines
16	Hải Bình	HCM	21/07/2026	4.100	Philippines
17	Quang Minh 6	HCM	27/07/2026	4.500	Malaysia
18	Phú An 368	HCM	28/07/2026	4.750	Malaysia
Tổng				112.150	

III. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	23/07	+/-	23/07	+/-	23/07	+/-	23/07	+/-	23/07	+/-	23/07	+/-	23/07	+/-		
<u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u>																
Hạt dài	6.650	-	6.650	+150	6.675	+175	6.650	-	6.950	+100	6.950	+100	6.850	+100	6.950	6.768
Lúa thường	6.350	-	6.300	+200	6.400	+300	6.250	+75	6.325	+225	6.400	+50	6.350	+100	6.400	6.339
<u>Lúa Khô/Ướt Tại Kho</u>																
Hạt dài	8.050	-	8.100	+500	8.195	+245	8.250	+300	8.750	-			8.850	+100	8.850	8.366
Lúa thường	7.850	-	7.700	+550	7.550	+250	7.650	+350	8.200	-			8.350	+100	8.350	7.883
<u>Gạo Nguyên Liệu</u>																
Lứt loại 1	9.550	-	10.250	-100	10.450	+250	10.250	+50	10.350	-100			10.850	+100	10.850	10.283
Lứt loại 2	9.450	-	9.350	+400	9.600	+400	9.650	+500	9.450	+200	9.650	+200	9.450	+300	9.650	9.514
Xát trắng loại 1			11.550	-350			11.450	+50	11.000	-400	11.950	+50	11.950	+100	11.950	11.580
Xát trắng loại 2			10.350	+100			10.650	+200	10.500	+50	10.650	+100	10.650	+100	10.650	10.560
<u>Phụ Phẩm</u>																
Tấm 1/2	7.650	-400	8.350	+300	8.200	+150	8.150	+100	8.225	-25	8.350	+100	8.350	+300	8.350	8.182
Tấm 2/3			8.150	+200	8.200	+150			8.150	+200			8.050	+200	8.200	8.138
Tấm 3/4	7.350	-500	7.950	+50	8.150	+225							7.950		8.150	7.850
Cám xát	7.550	-100	7.850	-	7.900	-	7.750	-	8.050	+50	8.050	+50	7.850	+200	8.050	7.857
Cám lau	7.550	-100	7.750	-	7.900	-	7.750	-	8.050	+50	8.050	+50	7.950	+200	8.050	7.857
<u>Gạo TPXK Không Bao Tại Man</u>																
5%	11.100	+300	10.600	+50	11.300	+600	11.100	+350	10.950	-50	11.300	+300	11.050	+300	11.300	11.057
10%			10.500	+50					10.700	-			10.950		10.950	10.717
15%	10.900	+300	10.400	+50	11.100	+600	10.900	+350	10.500	-	11.100	+500	10.750	+300	11.100	10.807
20%									10.200	-					10.200	10.200
25%	10.700	+300	9.600	-150	10.900	+600	10.700	+350	9.900	-	10.900	+500	10.450	+300	10.900	10.450
